TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST Ngày: 04-02-2021 V/v tranh chấp ly hôn.	

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em.

2. Ông Nguyễn Đông Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án N dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Vị Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *01*/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp 9, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn Q, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp 9, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/08/2020 bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn Q chung sống từ năm 1987, có đăng ký kết hôn.

Hôn N thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau không còn hạnh phúc, do phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, vợ chồng bất hòa. Bà H nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa, nên yêu cầu được ly hôn; Con chung: Có 03 con tên Ngô TH N, sinh năm 1987, Ngô Ngọc H, sinh năm 1991 và Ngô Diệu H, sinh năm 1995 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu; Nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của Ngô TH N, Ngô Ngọc H và Ngô Diệu Hồng (bản sao); đơn xác nhận (bản chính); Giấy chứng minh N dân (bản sao); Sổ hộ khẩu (bản sao).

Quá trình thu thập chứng cứ: Dù Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Ngô Văn Q theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn ông Ngô Văn Q vắng mặt, chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Văn Q. Bị đơn ông Ngô Văn Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn; Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn chịu theo Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị H có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn Q, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn. Đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn ông Ngô Văn Q tại ấp 9, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

[1.2]. Ông Ngô Văn Q được triệu tập hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Ngô Văn Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn Q chung sống từ năm 1987, có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn bút lục 01) nên hôn N của bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn Q hợp pháp. Ngày 12/8/2020 bà Nguyễn Thị H có yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn Q, vì cho rằng hôn N không hạnh phúc, nguyên nhân do phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, vợ chồng bất hòa. Bà H nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Ông Ngô Văn Q vắng mặt, chưa thể H ý kiến. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn N và gia đình "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau….." nhưng theo thừa nhận của bà Nguyễn Thị H có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc do vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

[2.2]. Con chung: Bà Nguyễn Thị H khai có 03 con tên Ngô TH N, sinh năm 1987, Ngô Ngọc H, sinh năm 1991 và Ngô Diệu H, sinh năm 1995, ông Ngô Văn Q vắng mặt chưa thể H ý kiến. Nhưng bà Nguyễn Thị H cung cấp chứng cứ xác định Ngô TH N, Ngô Ngọc H và Ngô Diệu H là con chung của bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn Q là giấy khai sinh tại bút lục 02, 03, 04, theo lời khai của bà Nguyễn Thị H con chung đã thành niên và có khả năng lao động. Nên Tòa không xem xét.

[2.3]. Tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu, ông Ngô Văn Q chưa thể H ý kiến.

[2.4]. Nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có, ông Ngô Văn Q chưa thể hiện ý kiến.

[2.5]. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[3]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Ngô Văn Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0003472 ngày 15/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)
Phạm Thị Tuyết Mai